

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIG INVEST GROUP**
Số: 2206/2023/CBTT-BIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 bổ sung)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIG INVEST GROUP**

Mã chứng khoán: BIG

Trụ sở chính: Số 78 phố Trung Kinh, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 0911 888 842 Fax: 0911 888 842

Người công bố thông tin: Bà Trần Thị Mưa Thao – Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: 0979691166 Loại công bố thông tin: ☒ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường

☐ Theo yêu cầu ☐ Định kỳ

Nội dung Công bố thông tin: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 bổ sung

Thông tin này đã được Công ty công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <https://biginvestgroup.vn>, mục Quan hệ cổ đông Tin doanh nghiệp từ ngày 22/06/2023. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 bổ sung;

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC UQ CBTT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Mưa Thao

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc Ban hành Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quyết định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Big Invest Group.

Căn cứ theo Nghị quyết số 05.02/2023/BIG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2023, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023 đã thông qua nội dung về việc thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo tờ trình số 01/2023/TTr-HĐQT. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông đã bầu cử 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2024. Trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về quản trị công ty và tạo thuận lợi cho thành viên Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Theo quy định tại Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán quy định Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ: “Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát” trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành



theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Ban kiểm soát đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Nội dung toàn văn dự thảo quy chế này được công bố tại website theo địa chỉ: <https://biginvestgroup.vn/quan-he-co-dong>.

Các quy định của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VP.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIG INVEST GROUP



Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 12. Quyền của cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	28
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 34. Người điều hành Công ty	29
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	29
IX. BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	30
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	30
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	30
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	31
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	31
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	31
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	32
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	33
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	33
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	33
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	33
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	33
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	34

Điều 47. Tài khoản ngân hàng	34
Điều 48. Năm tài chính	34
Điều 49. Chế độ kế toán.....	34
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	34
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	34
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	35
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	35
Điều 52. Kiểm toán	35
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	35
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	35
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	35
Điều 54. Giải thể công ty	35
Điều 55. Gia hạn hoạt động	35
Điều 56. Thanh lý.....	36
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	36
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	36
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	36
Điều 58. Điều lệ công ty	36
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	37
Điều 59. Ngày hiệu lực	37

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số /2023/BIG/NQ-DHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2023

L ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
 - p) “*Thời hạn hoạt động*” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - q) “*Tổ chức kiểm toán được chấp thuận*” là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về kiểm toán độc lập.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

- Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BIG INVEST GROUP
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIG INVEST GROUP JOINT STOCK COMPANY
 - Tên Công ty viết tắt: BIG .,JSC
- Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 78, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: 0911.888.842
 - Fax: 0911.888.842
 - E-mail: cskh@biginvestgroup.vn
 - Website: biginvestgroup.vn
- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành nghề
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ

7. Bán buôn thực phẩm
Chi tiết: Bán buôn cà phê
8. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
9. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;
10. Hoạt động của trụ sở văn phòng
11. Hoạt động tư vấn quản lý
12. Bán buôn tổng hợp
13. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
14. Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
15. Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
16. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
17. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
18. Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh
19. Sản xuất cà phê
Chi tiết: - Rang và lọc chất caphêin cà phê;
- Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hoà tan, cà phê pha phin, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc;
- Sản xuất các chất thay thế cà phê;
20. Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính
21. Đại lý du lịch
22. Điều hành tua du lịch
23. Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế
24. Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp
25. Xây dựng nhà ở
26. Xây dựng công trình điện
27. Xây dựng công trình chế biến, chế tạo



28. Phá dỡ
29. Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
30. Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh
31. Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
32. Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
33. Cơ sở lưu trú khác
34. Sản xuất điện.
Chi tiết: Trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân;
35. Truyền tải và phân phối điện.
Chi tiết: Trừ phân phối, điều độ hệ thống điện quốc gia.
36. Trồng cây ăn quả;
37. Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm;
38. Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm;
39. Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
40. Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
41. Chăn nuôi gia cầm;
42. Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
43. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;
44. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
45. Xây dựng công trình đường sắt;
46. Xây dựng công trình đường bộ;
47. Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.
48. Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
49. Dịch vụ phục vụ đồ uống
50. Chế biến và bảo quản rau quả

51. Bán buôn thực phẩm
52. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện.
Chi tiết: Sản xuất viên đốt nén bằng phế phẩm mùn cưa, dăm bào, củi.
53. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
54. Sản xuất đồ gỗ xây dựng
55. Sản xuất bao bì bằng gỗ
56. Sản xuất bột giấy, giấy và bìa
57. Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa
58. Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu
59. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Bán buôn đá hoa cương và các loại đá xây dựng khác. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả; không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu lợi nhuận tối đa, cải thiện điều kiện làm việc, tạo việc làm ổn định; nâng cao thu nhập, đời sống của người lao động trong Công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo điều kiện để lao động trong Công ty và những người góp vốn được làm chủ thực sự; làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ, việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua vào từng thời điểm, được ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được công bố theo quy định của pháp luật.
2. Tổng số vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Tính đến thời điểm điều lệ này được thông qua, các cổ đông sáng lập đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của mình.
7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị,
3. Ban kiểm soát,
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
5. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;



m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Trường hợp cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
5. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
 - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền;
6. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;
 - h) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc mà cổ đông đã đăng ký, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

b. Địa chỉ liên lạc của cổ đông là một trong những loại thông tin: địa chỉ đăng ký trụ sở chính (đối với cổ đông là tổ chức); địa chỉ thường trú, địa chỉ nơi làm việc (đối với cổ đông là cá nhân); số điện thoại; thư điện tử (email); hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc.

c. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới Cổ đông bằng một trong các hình thức sau:

- Gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- Gửi tới địa chỉ liên lạc của Cổ đông là thư điện tử (email), hoặc qua tin nhắn số điện thoại, hoặc số fax được lưu trữ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, hoặc địa chỉ do Cổ đông đăng ký với Công ty.

d. Trường hợp Công ty gửi Thông báo mời họp đến cổ đông bằng cách gửi thư điện tử (email) thì địa chỉ thư điện tử của cổ đông nhận thông báo là địa chỉ thư điện tử được lưu trữ và cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, hoặc địa chỉ thư điện tử do Cổ đông đăng ký với Công ty. Cổ đông chịu trách nhiệm với thông tin thư điện tử đã cung cấp. Công ty có thể yêu cầu Cổ đông thông báo thông tin thư điện tử bằng văn bản và gửi đến địa chỉ trụ sở chính của Công ty (nếu cần).

e. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận toàn bộ tài liệu họp, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đó;
 - b) Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.
 - c) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền dự họp tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.
 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
 5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.



Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điểm b, d, e, g khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
Ngoài ra, HĐQT cũng được quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong các trường hợp sau:
 - Thay đổi vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu/chào bán cổ phiếu/mua lại cổ phiếu quỹ để hủy bỏ làm giảm vốn điều lệ;
 - Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh

nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện tương tự theo quy định về việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đã quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này..

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ

đồng quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có);
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành

viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này. Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của BKS.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.



VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty,

hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng]trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.



2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.



2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. 1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần BIG INVEST GROUP nhất trí thông qua ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Hà Nội, Sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số /2023/BIG/NQ-DHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành hai (02) bản chính, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC


TRẦN THỊ MƯA THAO



Số: 01/2023/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIG INVEST GROUP

Thực hiện Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Big Invest Group và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022 và kế hoạch 2023 như sau:

Bối cảnh kinh tế thế giới năm 2022 cho thấy những diễn biến hết sức khó lường. Trước hết là dư chấn từ đại dịch Covid - 19, tuy đã có sự kiểm soát tốt, song những hệ lụy của đại dịch vẫn tiếp tục đặt gánh nặng lên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh ở quy mô toàn cầu. Trong đó, dễ thấy nhất là sự phục hồi chậm của chuỗi cung ứng. Đặc biệt, xung đột quân sự Nga - Ucraina đã ảnh hưởng rất mạnh mẽ tới kinh tế thế giới, dù trực tiếp hay gián tiếp. Điều này khiến cho lạm phát toàn cầu tăng lên cao nhất trong vài chục năm qua, từ 4,7% năm 2021 lên tới 8,8% năm 2022. Tại Việt Nam, bằng các chủ trương đúng đắn và sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, kinh tế Việt Nam mặc dù không tránh khỏi những tác động bất lợi, nhưng đã nhanh chóng lấy lại đà tăng trưởng vốn có của một thị trường đang phát triển và phục hồi mạnh mẽ vào nửa cuối 2022. Theo đó, GDP cả năm 2022 tăng 8,02%, cao nhất khu vực Đông Nam Á và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022. Lạm phát nằm trong mức kiểm soát 2,59%, đạt mục tiêu dưới 4% của Chính phủ đề ra.

Mặc dù vậy, với các doanh nghiệp trong nước, khó khăn vẫn chưa khép lại khi các mũi nhọn kinh tế là thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản diễn biến khó lường và gặp phải rất nhiều thách thức. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Big Invest Group đã không ngừng nỗ lực nhằm vượt qua những trở ngại, đẩy nhanh tốc độ hồi phục của Công ty, được thể hiện qua kết quả tích cực từ doanh thu mảng thương mại của công ty cao hơn năm trước.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2022

1. Kết quả kinh doanh năm 2022

Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Big Invest Group (sau đây gọi tắt là BIG) trong năm 2022 đạt được như sau:

STT	Nội dung	Kế hoạch 2022	Kết quả 2022	Tỷ lệ hoàn thành	Tăng/giảm so với năm 2021
1	Doanh thu thuần	150.000.000.000	176.607.389.816	117,74%	26,31%
2	Lợi nhuận sau thuế	6.600.000.000	401.549.014	6,08%	-90%

Mặc dù nền kinh tế nói chung và thị trường bất động sản nói riêng bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid – 19, ngân hàng siết tín dụng, nhiều doanh nghiệp bất động sản bị thua lỗ hoặc đóng cửa nhưng với sự nỗ lực và quyết tâm cao vượt qua khó khăn của toàn bộ công ty cùng sự thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi của điều kiện thị trường, BIG vẫn ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan khi doanh thu thuần cả năm đạt hơn 176 tỷ đồng (tăng 26,31% so với năm 2021), đạt 117,74% so với kế hoạch đặt ra. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận hơn 401 triệu đồng (Giảm mạnh so với năm 2021), hoàn thành 6,08% kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

2. Việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó. Tuy nhiên có một số nội dung đã được thông qua tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được HĐQT thực hiện bao gồm:

- Nội dung giao dịch với bên liên quan theo Tờ trình số 03/2022/TTr-HĐQT của Công ty được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022 thông qua theo nghị quyết số 1909/2022/NQ-ĐHĐCĐ/BIG., JSC ngày 19/09/2022
- Nội dung về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của công ty theo tờ trình số 02/2023/TTr- HĐQT Công ty Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 thông qua theo Nghị quyết số 05.02/2023/BIG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2022
- Nội dung về việc thực hiện phương án chào bán riêng lẻ đã được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 16.04/2022/BIG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2022 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã được dùng triển khai theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1601/2023/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 01 năm 2023. Hội đồng quản trị đã xây dựng phương án cụ thể và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ mới.

HĐQT chưa thực hiện được nội dung liên quan đến giao dịch với bên liên quan do sự thay đổi của giá trị tài sản bất động sản giao dịch và sự khó khăn khi ngân hàng siết tín dụng gây ra khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Đối với nội dung về chuyển trụ sở chính do hiện tại Công ty đang thực hiện thủ tục quyết toán thuế của năm 2022 tại Hà Nội, dự kiến khi hoàn tất việc quyết toán thuế tại Hà Nội, Công ty sẽ chuyển trụ sở chính vào Thành phố Hồ Chí Minh.

HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 phương án thay đổi để phù hợp với thực tế triển khai trong năm 2023

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban TGDĐ đã hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2022, thực hiện tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng định hướng của ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT và nỗ lực để hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Trong quá trình điều hành, Ban TGDĐ đã tuân thủ đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, các Quy chế quản trị nội bộ Công ty cũng như các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT. HĐQT đánh giá cao Ban TGDĐ một số ưu điểm nổi bật sau:

- Dẫn dắt, quản lý đội ngũ thực thi và theo dõi, đánh giá các hoạt động kinh doanh của công ty sát sao.
- Có đề xuất, kiến nghị kịp thời cho HĐQT giúp hoạt động kinh doanh đi đúng hướng, đúng pháp luật và đạt hiệu quả như chỉ tiêu đã hoạch định.
- Nhận thức rõ tầm quan trọng của nguồn nhân lực để có sự đầu tư phát triển con người không chỉ cho nhu cầu hiện tại mà còn chuẩn bị cho tương lai.
- Chú trọng phát triển văn hóa doanh nghiệp, tạo nên sự kết nối và bản sắc riêng của công ty.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với người lao động, nghĩa vụ nộp thuế và trách nhiệm với cộng đồng.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Về nhân sự

Năm 2022 thành viên HĐQT gồm 01 Chủ tịch, 4 thành viên trong đó có 01 thành viên độc lập. Danh sách thành viên HĐQT năm 2022 như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	VÕ PHI NHẬT HUY	Chủ tịch Hội đồng quản trị

2	KIỀU VĂN KHOA	Thành viên HĐQT
3	TRẦN THỊ MƯA THAO	Thành viên HĐQT
4	TRẦN ĐÌNH TÚ	Thành viên HĐQT
5	LÝ NGỌC SƠN	Thành viên độc lập HĐQT

2. Thù lao của hội đồng quản trị năm 2022

Căn cứ vào ngân sách thù lao mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã phê duyệt, tình hình chi trả thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong năm 2022 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương (VNĐ)	Thưởng (VNĐ)	Thù lao (VNĐ)	Ghi chú
1	VÕ PHI NHẬT HUY	Thành viên HĐQT			0	
2	KIỀU VĂN KHOA	Thành viên HĐQT			0 0	
3	TRẦN THỊ MƯA THAO	Thành viên HĐQT			0	
4	TRẦN ĐÌNH TÚ	Thành viên HĐQT			0	
6	LÝ NGỌC SƠN	Thành viên độc lập HĐQT			0	
	Tổng cộng				0	

3. Các hoạt động chính của Hội đồng quản trị năm 2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cuộc họp dự	Tỷ lệ
1	VÕ PHI NHẬT HUY	Chủ tịch HĐQT	16/16	100%
2	KIỀU VĂN KHOA	Thành viên HĐQT	16/16	100%
3	TRẦN THỊ MƯA THAO	Thành viên HĐQT	16/16	100%
4	TRẦN ĐÌNH TÚ	Thành viên HĐQT	12/16	75%
5	LÝ NGỌC SƠN	Thành viên độc lập HĐQT	12/16	75%

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2022: Trong năm 2022, HĐQT tiến hành 16 cuộc họp, ban hành 16 nghị quyết, quyết định nhằm triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022, chủ yếu là các vấn đề quan trọng phục vụ kịp thời công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và công tác tài chính, chi phí và các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Ngoài các phiên họp định kỳ, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của Hội đồng quản trị và giám sát công tác điều hành. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên. Cụ thể các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị đã được Công ty Công bố thông tin và đăng tải trên Công thông tin điện tử của Công ty như sau:

Stt	Số NQ/ QĐ	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ
1	01.03/2022/BIG/NQ-HĐQT	01/03/2022	Thông qua danh sách cổ đông để họp ĐHCĐ thường niên 2022	100%
2	2504/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	25/04/2022	Thông qua nội dung Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, Thành viên Ủy ban kiểm toán	100%

3	2704/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	27/04/2022	Thông qua nội dung miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc và thay đổi người được ủy quyền CBTT	100%
4	2206/2022/BIG/NQ-HĐQT	22/06/2022	Thông qua nội dung Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc bà Nguyễn Thị Hào	100%
5	0108/2022/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	08/07/2022	Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ	100%
6	0208/2022/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	08/07/2022	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
7	0208/2022/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	03/08/2022	Thông qua góp vốn thành lập công ty con Công ty cổ phần bất động sản Big Real và cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp	100%
8	0308/2022/BIG/NQ-HĐQT	03/08/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022	100%
9	2508/2022/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	25/08/2022	Thông qua bổ sung phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ năm 2022	100%
10	0908/2022/NQ-HĐQR/BIG.,JSC	09/08/2022	Thông qua việc thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định	100%
11	1409/2022/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	14/09/2022	Thông qua nội dung miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Bà Lê Thị Huyền, bổ nhiệm mới ông Lê Văn Hùng	100%
12	1509/2022/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	15/09/2022	Thông qua góp vốn thành lập công ty con Công ty cổ phần TMXD Đại Kim và cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp	100%
13	2909/2022/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	29/09/2022	Thông qua nội dung điều chỉnh phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ năm 2022	100%

14	2510/2022/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	25/10/2022	Thông qua nội dung điều chỉnh tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022	100%
15	0212/2022/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	02/12/2022	Thông qua nội dung Thay đổi nhân sự và Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2023	100%
16	1512/2022/NQ-HĐQT/BIG.,JSC	15/12/2022	Thông qua nội dung Thay đổi ngày Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2023 Chốt ngày đăng ký cuối cùng là	100%

4. Các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ trong năm 2022:

Trong năm 2022, Công ty không phát sinh giao dịch Công ty với người có liên quan của Công ty; giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

5. Công tác chỉ đạo và giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh

HĐQT đã giám sát Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý triển khai thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; định hướng chiến lược phát triển các dự án; chỉ đạo giám sát công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn, quản lý chi phí; công tác đầu tư xây dựng,.... Các thành viên HĐQT trực tiếp giải quyết kịp thời nhiều công việc cấp bách, quan trọng trong tất cả các mảng hoạt động.

6. Công tác giám sát đối với Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý:

Năm 2022, HĐQT BIG tiếp tục sát cánh với Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động thường xuyên của Công ty để phối hợp, hỗ trợ, giám sát, đôn đốc các hoạt động SXKD, kịp thời chỉ đạo giải quyết mọi vấn đề quan trọng phát sinh.

7. Đánh giá chung hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp HĐQT được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, tài liệu được chuẩn bị chu đáo, đầy đủ theo đúng nguyên tắc. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận và phân biện, đánh giá đầy đủ và cân trọng để đưa ra định hướng, giải pháp tốt nhất cho công ty.

Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ. Các quyết định đầu tư vào dự án đều được

nghiên cứu cẩn thận, có cơ sở và được thảo luận, phân biện trong các buổi họp giữa HĐQT và Ban giám đốc.

HĐQT đã hoàn thành các công việc được giao với tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và điều lệ công ty HDQT đã đề xuất kịp thời nhiều phương án, giải pháp hiệu quả, kịp thời giúp Ban TGD vượt qua thách thức, khó khăn.

HĐQT đã có các chỉ đạo củng cố và kiện toàn bộ máy lãnh đạo, hệ thống quản trị của BIG và các công ty thành viên, sắp xếp nhân sự bên cạnh việc thu hút bổ sung một số nhân sự chất lượng cao phù hợp giúp tăng cường công tác quản lý và bộ máy tinh gọn hiệu quả, tạo cơ sở nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của BIG.

HĐQT cũng đã hoạch định chiến lược kinh doanh rất sát với thị trường, có phản ứng điều chỉnh nhanh nhạy, kịp thời, giúp giải quyết một cách hiệu quả các vấn đề của các chủ đầu tư, mang lại hiệu quả hoạt động và nâng tầm giá trị thương hiệu của BIG.

8. Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT công ty có 01 thành viên HĐQT độc lập. Thành viên này đều tham gia 100% các phiên họp của HĐQT trong năm 2022 và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào việc xây dựng chiến lược hoạt động và phát triển của Công ty.

Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2022, thành viên độc lập HĐQT nhận thấy:

+ Các cuộc họp HĐQT được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, tài liệu được chuẩn bị chu đáo, đầy đủ theo đúng nguyên tắc. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận và phân biện, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra định hướng, giải pháp tốt nhất cho công ty.

Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ.

Các quyết định đầu tư vào dự án đều được nghiên cứu cẩn thận, có cơ sở và được thảo luận, phân biện trong các buổi họp giữa HĐQT và Ban TGD.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1. Nhận định kinh tế và thị trường năm 2023

Trong báo cáo Điểm lại tháng 3/2023, WB nhận định triển vọng của nền kinh tế Việt Nam vẫn thuận lợi. Trước những khó khăn trong nước và ngoài nước, GDP dự báo tăng trưởng 6,3% năm 2023.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp dần phục hồi nhờ điều chỉnh chính sách (Nghị định 08, Nghị quyết 33, điều chỉnh Nghị định 65 phù hợp hơn...).

Thị trường cổ phiếu dự đoán sẽ còn ở mức thấp trong môi trường lãi suất còn cao và tăng trưởng kinh tế chậm lại; có thể phục hồi trong 6 tháng cuối năm.

Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước sẽ thay đổi chính sách tiền tệ theo hướng hỗ trợ thanh khoản hơn, lãi suất giảm.

Trong lĩnh vực thị trường sắt thép, vật liệu xây dựng:

Dự báo về tình hình thị trường thép trong năm 2023, cạnh tranh gay gắt tại thị trường nội địa, các chính sách thắt chặt tiền tệ, tăng lãi suất, tỷ giá leo thang có thể ảnh hưởng tiêu cực tới nhu cầu và hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong ngành. Bên cạnh đó, nhu cầu thấp của lĩnh vực xây dựng dân dụng nội địa sẽ tác động đáng kể đối với nhu cầu vật liệu xây dựng, trong đó có thép. Tuy nhiên thị trường vẫn ghi nhận một số yếu tố hỗ trợ tăng trưởng doanh nghiệp thép đến cuối năm khi nhu cầu tiêu thụ sắt thép được kỳ vọng sẽ cải thiện nhờ các dự án đầu tư công được triển khai nhiều hơn.

2. Mục tiêu năm 2023

Đứng trước những thách thức và vận hội mới, trên cơ sở nền tảng vững chắc của hệ sinh thái dịch vụ bất động sản hàng đầu được tích lũy qua gần 10 năm qua và trưởng thành qua các cuộc khủng hoảng của thị trường bất động sản Việt Nam, tiếp nối đà phát triển của năm 2022, Hội đồng quản trị tiếp tục đề ra mục tiêu bứt phá trong năm 2023 như sau:

Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trên 180.000.000.000 tỷ đồng, tăng trưởng 1,98% so với năm 2022;

Trong đó:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023 (Đồng)	Tăng/giảm so với 2022
1	Doanh thu thuần	181.375.000.000	2,66%
	- Doanh thu thương mại	138.000.000.000	-5,96%
	- Doanh thu cho thuê văn phòng + sự kiện	8.775.000.000	-22,34%
	- Bán bất động sản	12.600.000.000	-32,12
	- Doanh thu tài chính (Bán cổ phần doanh nghiệp)	22.000.000.000	-
2	- Lợi nhuận trước thuế	1.060.000.000	65,03%

3. Định hướng chiến lược:

Để thực hiện mục tiêu trên, trên cơ sở đánh giá mức độ khó khăn và cơ hội của thị trường bất động sản năm 2023, HĐQT Công ty đặt ra những phương hướng và nhiệm vụ chính sau đây:

- Với sự phục hồi mạnh mẽ của ngành du lịch và dịch vụ, Công ty có thể phát triển mạnh mảng BĐS đầu tư, lưu trú, nghỉ dưỡng, khai thác các bất động sản như khách sạn, nhà hàng;
- Tận dụng giá bất động sản đang ở mức thấp thành cơ hội bán để xoay nguồn vốn và thu mua bất động sản giá rẻ;
- Mở rộng kinh doanh và đầu tư tại thị trường Tây Bắc với ngành du lịch, dịch vụ và mở rộng mảng thương mại nông sản xuất khẩu sang Trung Quốc tạo ra các nguồn thu tiếp theo đa dạng cho công ty trong năm 2023;
- Tăng cường đầu tư vào các công ty con và đối tác đang triển khai các mảng khai thác bất động sản nhà hàng, cà phê, khách sạn, F&B tạo ra các nguồn doanh thu đầu tư cho doanh nghiệp trong năm 2023 hướng đến chiến lược trở thành một công ty đầu tư nắm giữ nhiều thương vụ tốt trong tương lai;
- Cùng cố và tăng cường đầu tư mở rộng thị trường tại miền Nam;
- Đẩy mạnh tìm kiếm các dự án có chất lượng và nâng cao năng lực của bộ phận đầu tư để đẩy mạnh các hoạt động đầu tư;
- Gia tăng sức khỏe tài chính cho công ty, tăng cường hợp tác với các tổ chức và định chế tài chính cũng như đông đảo các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nghiên cứu trình Đại hội đồng cổ đông xem xét các phương án huy động vốn để tài trợ cho các dự án đầu tư trong thời gian tới từ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược;
- Hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, xây dựng một doanh nghiệp chuyên nghiệp, tăng cường gắn kết giữa các thành viên trong công ty;
- Kiện toàn và củng cố bộ máy quản lý, nâng cao chất lượng nhân sự và tăng cường quy trình kiểm soát chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới vào hỗ trợ hoạt động nhằm tăng cường quy mô của hệ thống.

Trên đây là toàn văn báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Big Invest Group trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Ban kiểm soát (để thẩm định);
- Hội đồng quản trị;
- Lưu VP.



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Big Invest Group.*

Để đáp ứng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng cố thêm các ngành nghề kinh doanh nhằm thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ của Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Big Invest Group thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

1. Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Big Invest Group, cụ thể:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn cà phê	4632
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299

	Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)	
9.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
10.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
11.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
12.	Bán buôn tổng hợp	4690
13.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
14.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
15.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
16.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
17.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
18.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
19.	Sản xuất cà phê Chi tiết: - Rang và lọc chất caphêin cà phê; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hoà tan, cà phê pha phin, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê;	1077
20.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
21.	Đại lý du lịch	7911
22.	Điều hành tua du lịch	7912
23.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế (Điều 44, 46 Luật du lịch 2005)	7990
24.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
25.	Xây dựng nhà để ở	4101
26.	Xây dựng công trình điện	4221
27.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

28.	Phá dỡ	4311
29.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
30.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
31.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
32.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
33.	Cơ sở lưu trú khác	5590
34.	Sản xuất điện. Chi tiết: Trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân;	3511
35.	Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Trừ phân phối, điều độ hệ thống điện quốc gia.	3512
36.	Trồng cây ăn quả;	0121
37.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm;	0131
38.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm;	0132
39.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;	0128
40.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;	0141
41.	Chăn nuôi gia cầm;	0146
42.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;	0150
43.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;	0118
44.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
45.	Xây dựng công trình đường sắt;	4211
46.	Xây dựng công trình đường bộ;	4212
47.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410

48.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
49.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
50.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
51.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất viên đốt nén bằng phế phẩm mùn cưa, dăm bào, củi.	1629
52.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
53.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
54.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
55.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
56.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
57.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709

2. Bổ sung chi tiết của một số ngành nghề kinh doanh đã có trong danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty

Mã Ngành, nghề	Ngành, nghề kinh doanh	Chi tiết ngành, nghề
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Chi tiết: Bán buôn đá hoa cương và các loại đá xây dựng khác. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

3. Sửa đổi điều lệ Công ty

Sửa đổi khoản 1 Điều 4 Điều lệ công ty về ngành, nghề kinh doanh để phản ánh việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh tại Điều 1 nêu trên.

4. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là người đại diện theo pháp luật triển khai các công việc liên quan đến thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cả việc điều chỉnh nội dung chi tiết trong phạm vi các mã ngành, nghề đã được ĐHCĐ thông qua tại tờ trình này;

- Thực hiện các công việc khác liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'M.S.D.N: 0108045831-C' at the top and 'Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI' at the bottom, separated by two stars. The center of the seal contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN' at the top, 'BIG INVEST GROUP' in the middle, and 'V. P.' at the bottom. A blue ink signature is written across the seal.

V. PHI NHẬT HUY

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Big Invest Group.*
- *Đơn xin từ nhiệm của Bà Đồng Thị Hồng Nhung ngày 09/06/2023;*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên BKS Công ty cổ phần Big Invest Group nhiệm kỳ 2023 – 2024 như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Đồng Thị Hồng Nhung kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm:

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm: Thành viên Ban kiểm soát;
- Lý do miễn nhiệm: Có đơn xin từ nhiệm vì công việc cá nhân;
- Thời gian xin từ nhiệm: Từ 15/06/2022.

Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp, HĐQT kính trình Đại hội thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát của cá nhân nêu trên kể từ ngày 30/06/2023

2. Thông qua việc Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát thời gian còn lại của Nhiệm kỳ 2023 – 2024 như sau:

- Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung: 01 thành viên.
- Tiêu chí lựa chọn thành viên BKS: theo Quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 37 Điều lệ Công ty. Các tiêu chí này đã được đề cập tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Danh sách ứng viên:

STT	Họ và tên ứng viên
1	Trịnh Thị Thanh Phương

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VŨ PHI NHẬT HUY

Ghi chú: (Tờ trình được sửa đổi bổ sung từ tờ trình số 01/2023/TTr-HĐQT ngày 09/06/2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN

BIG INVEST GROUP

Số : 07/2023/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Big Invest Group.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Big Invest Group kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty (Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này). Dự thảo toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty sau sửa đổi đã được công bố chi tiết và đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ: <https://biginvestgroup.vn/quan-he-co-dong>.
2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm Tờ trình này). Dự thảo toàn văn Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sau sửa đổi đã được công bố chi tiết và đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ: <https://biginvestgroup.vn/quan-he-co-dong>.
3. Các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VÔ PHI NHẬT HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN

BIG INVEST GROUP

Số : 08/2023/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quyết định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Big Invest Group.*

Căn cứ Nghị quyết số 05.02/2023/BIG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2023, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023 Công ty cổ phần Big Invest Group đã thông qua nội dung về việc thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo tờ trình số 01/2023/TTr-HĐQT. Theo đó, Công ty chuyển đổi từ mô hình công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 137 luật Doanh nghiệp (Mô hình có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị) sang mô hình quy định tại điểm a khoản 1 điều 137 Luật doanh nghiệp (Mô hình có Ban kiểm soát và không có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT). Đồng thời, để đảm bảo quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và tạo thuận lợi cho các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình quản trị và điều hành Công ty theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Hội đồng quản trị đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng

quản trị. Nội dung toàn văn dự thảo quy chế này được công bố tại website theo địa chỉ: <https://biginvestgroup.vn/quan-he-co-dong>.

Các quy định của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VÔ PHI NHẬT HUY

The image shows a red circular official stamp of Big Invest Group. The stamp contains the text 'M.S.D.N: 0108045831 - C.P.', 'CÔNG TY CỔ PHẦN', 'BIG INVEST GROUP', and 'Đ. CẦU GIẤY, TP. HÀ NỘI'. A handwritten signature in blue ink is written over the stamp.

Số: 01/2023/BIG/BBH-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2023

**BIÊN BẢN
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

- Tên Công ty** : Công ty Cổ phần Big Invest Group.
- Giấy chứng nhận ĐKDN số** : 0108045831 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/11/2017
- Trụ sở chính** : Số nhà 78, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Thời gian họp** : Từ 9 giờ ngày 30 tháng 06 năm 2023
- Địa điểm điều hành** : 94 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Phương thức họp** : Trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

A. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Hội đồng quản trị (“HĐQT”): Các thành viên HĐQT có mặt tại Đại hội, bao gồm:

- Ông Võ Phi Nhật Huy Chủ tịch HĐQT.
- Ông Kiều Văn Khoa Thành viên HĐQT.
- Bà Trần Thị Mưa Thao Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.

Ban Điều hành: Các thành viên Ban Điều hành của Công ty có mặt tại Đại hội:

B. CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ông Louis Tấn Lộc.
- Ông Triệu Hiếu Khánh.

Đại biểu: Các cổ đông có tên trong Danh sách người sở hữu chứng khoán được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày **31/05/2023** và đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông.

C. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. Thủ tục tiến hành khai mạc Đại hội

1. Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2023 (“ĐHĐCĐ”) tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự.
2. Bà Nguyễn Thị Hào – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố kết quả kiểm tra tư cách đại biểu tham dự như sau:

Tại thời điểmh.... ngày 30/06/2023:

- Số lượng cổ đông tham gia:.....

- Số lượng cổ đông ủy quyền:.....
- Đại diện cho: cổ phần, chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông của Công ty.

Căn cứ theo Khoản 1, Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty Cổ phần Big Invest Group năm 2023 với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

3. Ông Võ Phi Nhật Huy – Chủ tịch HĐQT tiến hành khai mạc Đại hội.
4. Ban Tổ chức ĐHĐCĐ, căn cứ Điều lệ Công ty, giới thiệu ông Võ Phi Nhật Huy – Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa giới thiệu các thành viên Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội bao gồm:
 - Ông Võ Phi Nhật Huy Chủ tọa.
 - Ông Kiều Văn Khoa Thành viên.
 - Bà Trần Thị Mưa Thao Thành viên.
5. Chủ tọa Đại hội giới thiệu thành viên Ban Thư ký:
 -
6. Chủ tọa Đại hội đề cử Ban Kiểm phiếu gồm:
 - Bà Nguyễn Thị Hảo Trưởng ban.
 - Thành viên.
 - Thành viên.
7. Đoàn Chủ tịch trình ĐHĐCĐ thông Chương trình họp, bao gồm:
 - (i) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị hoạt động năm 2022, định hướng hoạt động năm 2023;
 - (ii) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023;
 - (iii) Thông qua báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023;
 - (iv) Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023;
 - (v) Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022;
 - (vi) Tờ trình thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát năm 2023;
 - (vii) Tờ trình thông qua bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
 - (viii) Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty
 - (ix) Tờ trình thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
 - (x) Tờ trình thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

- (xi) Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và tỷ lệ trả cổ tức năm 2022;
 - (xii) Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 -2024;
 - (xiii) Tờ trình thông qua giao dịch với người có liên quan;
 - (xiv) Tờ trình thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ;
 - (xv) Bầu cử bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2024;
8. Ông Bà Trần Thị Mưa Thao – trình bày Quy chế làm việc và biểu quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 bằng hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
9. Đại hội tiến hành bỏ phiếu điện tử thông qua Đoàn chủ tịch, Ban Kiểm phiếu, Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, Quy chế làm việc và biểu quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 bằng hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử trên với kết quả như sau:
- Thông qua Đoàn chủ tịch: Số phiếu tán thành phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
 - Thông qua Ban Kiểm phiếu: Số phiếu tán thành phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
 - Thông qua Chương trình Đại hội: Số phiếu tán thành phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
 - Thông qua quy chế làm việc và biểu quyết đại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 bằng hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: Số phiếu tán thành phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

II. Trình bày các tờ trình

1. Ông Võ Phi Nhật Huy – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023
2. Ông Tân Lộc Louis – Trưởng Ban kiểm soát trình bày báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023
3. Bà Trần Thị Mưa Thao – Tổng Giám đốc công ty trình bày báo cáo của ban Tổng giám đốc về tình hình kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023
4. Ông Lê Văn Hùng- Kế toán trưởng trình bày tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023
5. Ông Lê Văn Hùng - Kế toán trưởng trình bày tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022
6. Ông Kiều Văn Khoa – Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách đối ngoại trình bày tờ trình thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát
7. Bà Trần Thị Mưa Thao – Tổng Giám đốc công ty trình bày tờ trình thông qua bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty
8. Ông Võ Phi Nhật Huy – Chủ tịch HĐQT trình bày tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
9. Ông Võ Phi Nhật Huy – Chủ tịch HĐQT trình bày tờ trình thông qua việc Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

10. Ông Tấn Lộc Louis – Trưởng Ban kiểm soát trình bày tờ trình thông qua việc ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
11. Bà- Kế toán trưởng trình bày tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và tỷ lệ trả cổ tức năm 2022
12. Ông Tấn Lộc Louis – Trưởng Ban kiểm soát trình bày tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2024
13. Bà Trần Thị Mưa Thao – Tổng Giám đốc công ty trình bày Tờ trình thông qua giao dịch với người có liên quan
14. Ông Võ Phi Nhật Huy – Chủ tịch HĐQT trình bày tờ trình thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ

III. Thảo luận và trình bày Sơ yếu lý lịch ứng viên để bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2024

Các cổ đông tích cực tham gia đóng góp ý kiến về nội dung các Báo cáo, Tờ trình, cũng như các vấn đề được nêu tại Đại hội. Đoàn Chủ tịch và Ban Điều hành Công ty đã trả lời, trao đổi và giải đáp đầy đủ tất cả các câu hỏi và yêu cầu của cổ đông.

Nội dung thảo luận được lập kèm theo Biên bản này.

MC thay mặt Đoàn Chủ tịch trình bày văn tắt Sơ yếu lý lịch của ứng viên để bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2024.

IV. Biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình ĐHĐCĐ

- Trên cơ sở các Báo cáo, Tờ trình và qua quá trình thảo luận, Đại hội đã tiến hành biểu quyết (bằng hình thức bỏ phiếu điện tử) thông qua từng nội dung tại Chương trình Đại hội.
- Ông Võ Phi Nhật Huy hướng dẫn Đại hội biểu quyết.
- Việc kiểm phiếu có sự hỗ trợ của Đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- Tính đến thời điểm kết thúc biểu quyết, có cổ đông và người được uỷ quyền tham dự Đại hội, đại diện cho cổ phần, tương đương phiếu biểu quyết chiếm% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông của Công ty

Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu biểu quyết như sau:

- Tổng số tờ phiếu phát ra:, đại diện cho phiếu biểu quyết, chiếm% tính trong tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu thu về:, đại diện cho phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số tờ phiếu không thu về: ... đại diện cho phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, kết quả biểu quyết như sau:

1.1 Nội dung 01: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động năm 2022, định hướng hoạt động năm 2023.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm: % Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành:đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 01 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%.

1.2 Nội dung 02: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 02 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%

1.3 Nội dung 03: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 03 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%.

1.4 Nội dung 04: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 04 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%

1.5 Nội dung 05: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 05 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%

1.6 Nội dung 06: Thông qua Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát năm 2023.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 06 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%

1.7 Nội dung 07: Thông qua bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 07 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%

1.8 Nội dung 08: Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 08 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%

1.9 Nội dung 09: Thông qua việc Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 09 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%

1.10 Nội dung 10: Thông qua việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 10 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%

1.11 Nội dung 11: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và tỷ lệ trả cổ tức năm 2022.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 11 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%

1.12 Nội dung 12: Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2024.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 12 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%

1.13 Nội dung 13: Thông qua giao dịch với người có liên quan.

Người có liên quan không có quyền biểu quyết đối với Nội dung thông qua Tờ trình số 09/2023/TTr-HĐQT ngày 21/06/2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua giao dịch với người có liên quan.

STT	Tên Cổ đông	Số lượng phiếu biểu quyết đại diện	Số lượng phiếu biểu quyết không có quyền biểu quyết	Số lượng phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết	Mối liên hệ với người có lợi ích trong giao dịch
1	Võ Phi Nhật Huy	1.000.000	Người có liên quan (Em trai) của Người có lợi ích trong giao dịch
Tổng cộng		1.000.000	

Như vậy Tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự họp đối với tờ trình số 09/2023/TTr-HĐQT ngày 21/06/2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua giao dịch với người có liên quan là: phiếu biểu quyết.

Kết quả cụ thể:

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 13 đã được ĐHCĐ thông qua với tỷ lệ%

1.14 Nội dung 14: Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả, Nội dung 14 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ%

V. Bầu cử bổ sung thành viên BKS

Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu Bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2024 như sau:

- Tổng số tờ phiếu phát ra:, đại diện cho phiếu biểu quyết, chiếm% tính trong tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu thu về:, đại diện cho phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Tổng số tờ phiếu không thu về: đại diện cho phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả chi tiết như sau:

- **Ứng viên**: Tổng số phiếu tán thành: đại diện cho: phiếu bầu, chiếm:% Tính trên số phiếu biểu quyết dự họp

Vậy ứng viên trúng cử Thành viên Ban Kiểm Soát công ty Nhiệm kỳ 2023– 2024 là ông/ bà sau đây:

STT	Họ và tên
1	

D. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

- Thư ký đại hội trình bày dự thảo Biên bản, dự thảo Nghị quyết Đại hội.
- Đại hội tiến hành thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội với tỷ lệ tán thành như sau:
 - + Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023: Số phiếu tán thành phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
 - + Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023: Số phiếu tán thành phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Ban Tổ chức tuyên bố bế mạc ĐHĐCĐ.
- ĐHĐCĐ kết thúc vào hồi 12 giờ 00 phút ngày 30 tháng 06 năm 2023.

THƯ KÝ

CHỦ TỌA

.....

Võ Phi Nhật Huy

NỘI DUNG THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

*(Kèm theo Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
của Công ty Cổ phần Big Invest Group ngày 30 tháng 05 năm 2023)*

Đại hội đã tiến hành thảo luận về các Báo cáo, Tờ trình ĐHĐCĐ và các vấn đề được nêu ra tại Đại hội. Đoàn Chủ tịch nhận được các câu hỏi từ các cổ đông, đại diện cổ đông và đã giải đáp, trao đổi về tất cả các câu hỏi này. Tóm tắt như sau:

TT	Câu hỏi	Trả lời
1	
2	

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc Ban hành Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quyết định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Big Invest Group.*

Căn cứ theo Nghị quyết số 05.02/2023/BIG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2023, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023 đã thông qua nội dung về việc thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo tờ trình số 01/2023/TTr-HĐQT. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông đã bầu cử 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2024. Trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về quản trị công ty và tạo thuận lợi cho thành viên Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Theo quy định tại Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán quy định Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ: “Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát” trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành

theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Ban kiểm soát đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Nội dung toàn văn dự thảo quy chế này được công bố tại website theo địa chỉ: <https://biginvestgroup.vn/quan-he-co-dong>.

Các quy định của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VP.



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua giao dịch với người liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Big Invest Group;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty;*

Trong giai đoạn gần đây, nắm bắt được nhu cầu và xu hướng về bất động sản nghỉ dưỡng và văn phòng, Công ty Cổ phần Big Invest Group (Công ty) đã và đang thực hiện đầu tư các dự án bất động sản khách sạn và văn phòng, trong đó có dự án Khách sạn và văn phòng Big Lào Cai đang được Công ty hợp tác kinh doanh với Ông Võ Phi Nhật Quang – bên liên quan là chủ sở hữu của lô đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ P24-16 tọa lạc tại đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02695 do UBND TP. Lào Cai cấp ngày 11/11/2019 và thửa đất số 290, tờ bản đồ số P24-16, tọa lạc tại đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02766 UBND TP. Lào Cai Cấp ngày 20/01/2020, trong đó Công ty thực hiện triển khai xây toàn bộ tòa nhà văn phòng và Khách sạn để kinh doanh. Để đạt được hiệu quả cao nhất trong việc quản lý và kinh doanh, Công ty dự kiến nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua giao dịch của Công ty với bên có liên quan theo quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020, Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định khác (nếu có). Cụ thể như sau:

1. Bên liên quan phát sinh giao dịch với Công ty là:

Ông Võ Phi Nhật Quang – Người có liên quan (Em ruột) của ông Võ Phi Nhật Huy – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Big Invest Group.

2. Loại hình giao dịch:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

3. Thời gian ký kết hợp đồng: dự kiến Quý III năm 2023

4. Điều khoản giao dịch chính

- Giá trị chuyển nhượng: 45.000.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm tỷ đồng*), trong đó:

STT	Giao dịch	Bên chuyển nhượng	Bên nhận chuyển nhượng	Giá trị giao dịch dự kiến (VNĐ)
1	Nhận nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ P24-16 tọa lạc tại đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02695 do UBND TP. Lào Cai cấp ngày 11/11/2019.	Ông Võ Phi Nhật Quang	Công ty cổ phần Big Invest Group	31.500.000.000
2	Nhận nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 290, tờ bản đồ số P24-16, tọa lạc tại đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02766 UBND TP. Lào Cai Cấp ngày 20/01/2020.	Ông Võ Phi Nhật Quang	Công ty cổ phần Big Invest Group	13.500.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH				45.000.000.000

- Ông Võ Phi Nhật Quang cam kết thực hiện thủ tục sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại hai thửa đất trên cho Công ty Cổ phần Big Invest Group ngay sau khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng.
- Thời gian thanh toán: Thanh toán trong thời gian 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng.

5. Ủy quyền

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc quyết định các điều khoản chi tiết, chỉ đạo ký kết và triển khai các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến giao dịch với bên liên quan nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VO PHI NHẬT HUY

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 31/12/2020;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Big Invest Group;*
- *Tình hình hoạt động thực tế của Công ty hiện nay.*

Công ty đã và đang thực hiện đầu tư các dự án bất động sản khách sạn và văn phòng, trong đó có dự án Khách sạn và văn phòng Big Lào Cai đang được Công ty hợp tác kinh doanh với chủ sở hữu quyền sử dụng đất tại đây để xây dựng và quản lý, triển khai kinh doanh bất động sản này. Để thuận tiện hơn trong quá trình quản lý vận hành và để đạt được hiệu quả cao nhất trong việc đầu tư kinh doanh, Công ty dự kiến nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại dự án này. Đồng thời, để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, Công ty có kế hoạch cân đối lại cấu trúc vốn, giảm bớt đòn bẩy tài chính và bổ sung vốn lưu động. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Big Invest Group kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2023 của Công ty với nội dung cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1. Phương thức phát hành

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Big Invest Group
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu 5.000.000 cổ phiếu

đang lưu hành:

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 10.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán: 150.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
- Giá phát hành dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng nhà đầu tư tham gia đợt chào bán: Dưới 100 nhà đầu tư.
- Đối tượng chào bán: Chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư:
 - Là tổ chức hoặc cá nhân có tiềm lực tài chính, cam kết đồng hành, hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh để phát triển Công ty và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông;
 - Là các nhà đầu tư có tỷ lệ sở hữu sau phát hành phù hợp theo quy định của pháp luật.
 - Nhà đầu tư tổ chức đáp ứng quy định của pháp luật về công ty mẹ con: Tổ chức phát hành không phải là công ty mẹ của tổ chức được chào bán cổ phiếu; hoặc cả hai tổ chức này không phải là các công ty con của cùng một công ty mẹ.
- Danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu: Ủy quyền HĐQT lựa chọn và quyết định danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được mua cổ phiếu đáp ứng tiêu chí ĐHĐCĐ thông qua.
- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết: Trường hợp số cổ phiếu chào bán không được các NĐT mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Điều kiện chuyển nhượng: Cổ phần mới được chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định của pháp luật.
- Thời gian chào bán dự kiến: Việc chào bán cổ phiếu sẽ được tiến hành ngay sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, dự kiến khoảng Quý IV năm 2023 đến Quý I năm 2024.
- Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu: Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

đáp ứng quy định về tỷ lệ
sở hữu nước ngoài:

- Đăng ký giao dịch bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán và đăng ký chứng khoán bổ sung số cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) sau khi hoàn thành đợt chào bán.

2. Phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến:

Trong trường hợp nhà đầu tư theo danh sách HĐQT phê duyệt không mua hoặc không mua hết số cổ phần chào bán, HĐQT tìm kiếm và phân phối cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong trường hợp nhà đầu tư theo danh sách HĐQT phê duyệt (bao gồm danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu ban đầu và danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu không phân phối hết) không mua hoặc không mua hết số cổ phần chào bán, thì số vốn điều lệ mới sẽ được đăng ký theo số cổ phần thực tế đã chào bán được. HĐQT căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty để cân đối sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trên cơ sở đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển chung của Công ty.

3. Mục đích phát hành cổ phiếu

Tăng quy mô vốn chủ sở hữu để cân đối lại cấu trúc vốn, giảm bớt đòn bẩy tài chính, giảm tỷ trọng nợ vay tại các tổ chức tín dụng nhằm làm giảm chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*) sẽ được Công ty sử dụng cho các mục đích sau đây:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị dự kiến sử dụng (đồng)
1	Thanh toán các khoản nợ vay tại các tổ chức tín dụng	39.000.000.000
2	Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại: (i) Thửa đất số 102, tờ bản đồ P24-16 toạ lạc tại đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02695 do UBND TP. Lào Cai cấp ngày 11/11/2019. (ii) Thửa đất số 290, tờ bản đồ P24-16 toạ lạc tại đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02766 do UBND TP. Lào Cai cấp ngày 20/01/2020.	45.000.000.000

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị dự kiến sử dụng (đồng)
	<i>(Tài sản (i) và (ii) là tài sản của ông Vũ Phi Nhật Quang, là em ruột của Chủ tịch HĐQT Công ty)</i>	
3	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty	16.000.000.000
TỔNG CỘNG		100.000.000.000

Ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm phát hành để cân đối, chi tiết phương án sử dụng vốn theo chủ trương ĐHCĐĐ đã thông qua đảm bảo mang lại lợi ích tối đa cho Công ty và cổ đông.

III. ỦY QUYỀN

Sau khi ĐHCĐĐ biểu quyết chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ, ĐHCĐĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề (bao gồm nhưng không giới hạn) liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2023, cụ thể:

- Chi tiết mục đích sử dụng vốn theo chủ trương ĐHCĐĐ đã thông qua, phù hợp với quy định hiện hành.
- Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2023:
 - Lựa chọn và thông qua danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu riêng lẻ trong đợt phát hành này theo tiêu chí đã được ĐHCĐĐ thông qua;
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành để mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty;
 - Tìm kiếm nhà đầu tư thay thế đáp ứng tiêu chí ĐHCĐĐ thông qua trong trường hợp nhà đầu tư trong đợt phát hành riêng lẻ không đăng ký mua hoặc không thực hiện nộp tiền mua;
 - Cân đối và sử dụng nguồn vốn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông;
 - Điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt phát hành nếu xét thấy cần thiết để việc sử dụng vốn mang lại hiệu quả cho Công ty, tuân thủ theo yêu cầu của pháp luật hiện hành và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết để xin phép UBCKNN phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ nhằm đảm bảo cho việc xin phép phát hành cổ phiếu được thực hiện đúng quy định.
- Thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung cổ phiếu phát hành thêm: Thực hiện các thủ tục, công việc cần thiết để đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch chứng khoán và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) sau khi hoàn tất đợt phát hành theo quy định.

4. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi số lượng cổ phần, mức vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt phát hành và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
5. Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi số lượng cổ phần, vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần;
6. Quyết định thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi nhận tại Báo cáo tài chính gần nhất (nếu có), theo mục đích sử dụng vốn đã được thông qua tại ĐHĐCĐ và báo cáo mục đích sử dụng vốn chi tiết cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.
7. Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu: VT, PC, Hồ sơ Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Võ Phi Nhật Huy

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN BIG INVEST GROUP

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ngày 30 tháng 06 năm 2023
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Big Invest Group)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Trách nhiệm pháp lý của Ban kiểm soát.....	3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	4
CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN.....	4
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	4
Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên	5
Điều 6: Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên	5
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát	6
Điều 8: Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	7
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT.....	8
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	8
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	10
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	11
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát	11
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát	11
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	12
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm	12
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác	12
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	13
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	13
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	13
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	14
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	14

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	14
Điều 23. Sửa đổi, bổ sung	14
Điều 24. Ngày hiệu lực.....	14

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị quyết số .../.../ ngày .../... của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ...
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Big Invest Group
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Big Invest Group

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Big Invest Group.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Big Invest Group bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát..

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4: Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

- đ. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- e. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của trưởng Ban kiểm soát do điều lệ công ty quy định

Điều 7. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Quy chế này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thông báo trên trang thông tin điện tử của công ty, báo cáo và công bố thông tin tới Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch trong vòng 24 giờ kể từ khi quyết định được thông qua.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, **Tổng giám đốc** trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội

đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, **Tổng giám đốc** vi phạm quy định về trách nhiệm tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp cần thiết.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, **Tổng giám đốc**, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, **Tổng giám đốc** và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, **Tổng giám đốc** và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến, giám sát Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, **Tổng giám đốc** và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết..

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp

luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mỗi quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mỗi quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành

Điều 21. Mỗi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mỗi quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**Điều 22. Sửa đổi, bổ sung**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban kiểm soát soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm VII chương, 23 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Big Invest Group thống nhất thông qua ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật.
3. Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên của Công ty cổ phần Big Invest Group chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG..... 5

Điều 1.	Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.	5
Điều 2.	Giải thích từ ngữ.....	6

CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG8

Điều 3.	Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp	8
Điều 4.	Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 5.	Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 6.	Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết	10
Điều 7.	Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 8.	Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 9.	Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng	12
Điều 10.	Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	12
Điều 11.	Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến.	12

CHƯƠNG III. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....14

Điều 12.	Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 13.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 14.	Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 15.	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị	18
Điều 16.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 17.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	18

CHƯƠNG IV.	TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 18.	Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	19
Điều 19.	Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	19
Điều 20.	Cách thức biểu quyết	20
Điều 21.	Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị	20
Điều 22.	Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị	20
Điều 23.	Thông báo Quyết định Hội đồng quản trị	21
CHƯƠNG V. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	21
Điều 24.	Tiêu chuẩn Kiểm soát viên Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	21
Điều 25.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	22
Điều 26.	Cách thức bầu Kiểm soát viên	22
Điều 27.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	23
Điều 28.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	23
CHƯƠNG VI.	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 29.	Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	23
CHƯƠNG VII.	LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY24
Điều 30.	Tiêu chuẩn Người điều hành Công ty	24
Điều 31.	Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành của Công ty	25
Điều 32.	Ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành	26
Điều 33.	Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành	26
Điều 34.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành	26
CHƯƠNG VIII.	PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC26

Điều 35.	Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 36.	Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	27
Điều 37.	Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	27
Điều 38.	Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát	27
Điều 39.	Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị	28
Điều 40.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	28
Điều 41. Quản trị	Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng	28
Điều 42.	Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc	28
Điều 43.	Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.....	29
Điều 44.	Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát.....	29

CHƯƠNG IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ 30

Điều 45.	Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc	30
Điều 46.	Khen thưởng	30
Điều 47.	Xử lý vi phạm và kỷ luật	30

CHƯƠNG X. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY31

Điều 48.	Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	31
Điều 49.	Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty	31
Điều 50.	Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	31
Điều 51.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	31

CHƯƠNG XI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN..... 31

Điều 52.	Nghĩa vụ công bố thông tin	31
Điều 53.	Công bố thông tin về quản trị Công ty	32

Điều 54.	Tổ chức công bố thông tin	32
----------	---------------------------------	----

CHƯƠNG XII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM33

Điều 55.	Báo cáo	33
----------	---------------	----

Điều 56.	Giám sát.....	33
----------	---------------	----

Điều 57.	Xử lý vi phạm	33
----------	---------------------	----

CHƯƠNG XIII. SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ..... 33

Điều 58.	Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty	33
----------	---	----

CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH34

Điều 59.	Điều khoản thi hành.....	34
----------	--------------------------	----

Điều 60.	Hiệu lực	34
----------	----------------	----

CÔNG TY CỔ PHẦN
BIG INVEST GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

MẪU QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Big Invest Group

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Big Invest Group

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Big Invest Group bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Big Invest Group được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Người điều hành khác của Công ty.

3. Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị doanh nghiệp của Công ty phần Big Invest Group.

4. Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

- a. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người quản lý doanh nghiệp.
- b. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- d. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
- e. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- f. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty (nếu có);
- g. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;
- h. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty;
- i. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc; cô
- j. Quy định về đánh giá hằng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những Người điều hành khác;
- k. Quy định báo cáo và công bố thông tin.

5. Đối tượng áp dụng của quy chế này bao gồm:

- a. Công ty cổ phần Big Invest Group;
- b. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của của cổ đông;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành Công ty;
- d. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:
 - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai, minh bạch trong hoạt động của công ty;

- b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- d. "Công ty": là công ty cổ phần Big Invest Group;
- e. "Điều lệ": là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- f. "Cổ đông": là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty;
- g. "Đại hội đồng Cổ đông": là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết;
- h. "Người có liên quan": là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4, Luật Chứng khoán;
- i. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành": là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- j. "Người điều hành": là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II. VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ công ty.
- 3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

CHƯƠNG III.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, trong đó nêu rõ các nội dung ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện các quyền, ngày giao dịch mà người mua không được hưởng quyền, lý do và mục đích họp cũng như thời gian, địa điểm và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư hoặc thời điểm thông báo được gửi tới email, tin nhắn số điện thoại, địa chỉ fax của cổ đông). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

- 2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới Cổ đông bằng một trong các hình thức sau:

- Gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ liên lạc của cổ đông;
- Gửi tới địa chỉ liên lạc của Cổ đông là thư điện tử (email), hoặc qua tin nhắn số điện thoại, hoặc số fax được lưu trữ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trường hợp Công ty gửi Thông báo mời họp đến cổ đông bằng cách gửi thư điện tử (email) thì địa chỉ thư điện tử của cổ đông nhận thông báo là địa chỉ thư điện tử được lưu trữ và cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, hoặc địa chỉ thư điện tử do Cổ đông đăng ký với Công ty.

3. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa 03 người tham dự Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện, nếu không xác định sẽ được coi là chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc ủy quyền cho người đại diện họp phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là Người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);
- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);
- Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo quy định tại khoản 1, Điều 20 Điều lệ Công ty.

4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

3. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Theo quyết định của ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện của cổ đông dự họp, Chủ tọa phải mời tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề nhạy cảm. Trong trường hợp này, việc kiểm phiếu phải có chứng kiến của ít nhất hai (02) cổ đông trong số những người yêu cầu phải có tổ chức trung lập kiểm phiếu.

4. Tổ chức trung lập được mời kiểm phiếu là tổ chức trong nước bất kỳ do Chủ tọa lựa chọn với điều kiện là tổ chức này không phải là người có liên quan của những người có quyền và nghĩa vụ trong vấn đề nhạy cảm mà Đại hội đồng cổ đông đang thảo luận, không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Người có liên quan được xác định theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

5. Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.

7. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

8. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 13. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty

Điều 14. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng chín mươi ngày (90) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.

2. Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ. Các chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thực hiện theo quy định của luật tố tụng, các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài

thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty tối thiểu mười lăm (15) năm kể từ ngày ban hành.

Điều 16. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông ra công chúng, tuân thủ theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Công ty đã quy định trong Điều lệ và/hoặc trong các quy định nội bộ khác (nếu có) về nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian hợp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện như quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

2. Lập danh sách và thông báo mời họp

- a. Cách thức thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp trong trường hợp cuộc họp được tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận;
- c. Thông báo mời họp có thể bao gồm tên đăng nhập, mật khẩu để cổ đông đăng nhập vào hệ thống, tham dự và biểu quyết đối với các vấn đề cần thông qua tại Đại hội. Mỗi cổ đông

của công ty chỉ nhận được duy nhất một tên đăng nhập, mật khẩu để truy cập và tham dự Đại hội đồng đến việc cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đăng nhập vào hệ thống và các yếu tố định danh khác, cổ đông phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Công ty sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập;

- d. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức đại hội có thể thông báo qua các hình thức: trực tiếp hoặc gửi email hoặc thông báo qua điện thoại. Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp lại thông tin cá nhân để định danh. Công ty có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại thông tin cá nhân, tối thiểu bao gồm: Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, số điện thoại di động, hòm thư điện tử (địa chỉ email), địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (địa chỉ liên lạc). Công ty có thể gửi thông tin đăng nhập và mật khẩu để cổ đông tham dự và biểu quyết cho cổ đông thông qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

- a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký dự họp. Công ty cung cấp một (01) và chỉ một (01) tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng cho đại biểu để tham dự Đại hội. Đại biểu sau khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có đại biểu mới được quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Đại biểu được tính là tham dự đại hội khi và chỉ khi đại biểu đăng nhập vào hệ thống và bấm xác nhận đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông hình thức trực tuyến;
- b. Các đại biểu tham dự Đại hội cổ đông thông qua hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được cấp Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử điện tử thông qua hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Trường hợp đặc biệt, Công ty có thể yêu cầu các đại biểu in Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử từ hệ thống và chuyển về Công ty nhưng phải được quy định rõ tại thông báo mời họp và quy chế tổ chức đại hội.;
- c. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến) theo quy định tại Điều 9 quy chế này.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty và quy định tại thông báo mời họp, quy chế tổ chức

5. Điều kiện tiến hành

Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty.

6. Hình thức thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến

Điều kiện đề nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua được quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty

7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

- a. Cách thức bỏ phiếu, thực hiện biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ của mỗi cuộc họp;
- b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến quy định tại điểm a khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến;
- c. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử của tất cả các cổ đông dự họp;
- d. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

8. Lập biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản, nghị quyết họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty.

9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

CHƯƠNG IV.

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BẮT NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty.
- b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

- c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty.
- d. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
- e. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
- f. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty.
- g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty
- h. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
- i. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- j. Chấp thuận hợp đồng mua, bán vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền và nghĩa vụ sau:
- b. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp;
- c. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
- d. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- e. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
- f. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;

- g. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty

Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị;
 - a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty là ba (03) người;
 - b. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;
 - c. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo tuân thủ các quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty thì thành viên Hội đồng quản trị Công ty cần có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - Thành viên Hội đồng quản trị cần hạn chế nắm giữ kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty;
 - Có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác;
 - Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty

Điều 21. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc hợp thành nhóm của các cổ đông phải được thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng

cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế đề cử được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm.

5. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 22. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, tiêu chí quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử.

7. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 23. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- Có đơn từ chức;
- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Điều 26. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thủ tục họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 28. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 29. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị tại điểm 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 30. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

2. Trừ quy định tại điểm 1 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại điểm 5, Điều 29 Quy chế này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

4. Theo quy định tại điểm 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

6. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 31. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 32. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;

- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu cần thiết) có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Điều 33. Thông báo Quyết định Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về Quyết định của Hội đồng quản trị trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI.

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty.

Điều 35. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) người.

2. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 36. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý tại Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 37. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự đối với ứng cử đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 21 Quy chế này. Tỷ lệ đề cử ứng viên Ban kiểm soát như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Trường hợp số lượng các ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo chế được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tiến hành theo cách thức tương tự đối với bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 22 Quy chế này.

Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 40. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 41. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII.

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 42. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Khi thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ...
2. Số lượng và cơ cấu thành viên của các tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tiêu chuẩn Trưởng tiểu ban và các thành viên của tiểu ban cũng như trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quy định.
4. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

5. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự,...

CHƯƠNG VIII.

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 43. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và các người điều hành khác

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty và các quyền

3. Tổng giám đốc và các người điều hành khác phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc và các người điều hành khác phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 44. Tiêu chuẩn Người điều hành Công ty

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc và các người điều hành khác không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
- b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công;
- c. Trình độ, kinh nghiệm:
 - Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên;
 - Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.

- a. Kế toán trưởng Công ty có tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật;
- b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty;
- c. Về trình độ:
 - Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;
 - Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm;
 - Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

5. Người điều hành khác: Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.

Điều 45. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành của Công ty

1. Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị làm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên hoặc tự ứng cử cho vị trí Tổng giám đốc. Trường hợp cổ nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty, ...) để lựa chọn người được bổ nhiệm.

Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
- Bản kê khai tài sản, thu nhập;
- Chương trình hành động;
- Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;
- Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);
- Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có).

Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết về việc bổ nhiệm để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện như hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 46. Ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm Người quản lý Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với Người điều hành. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty

2. Tổng giám đốc và các người điều hành khác được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc và các người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc và các người điều hành khác và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành

1. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị Công ty phải xem xét và quyết định. Trong thời gian chưa có ý kiến, quyết định của Hội đồng quản trị thì Người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người điều hành trong trường hợp sau:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành trong nội bộ Công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC 1: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 49. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, miễn cưỡng, thận trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 50. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.

2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (03) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (05) ngày.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Tổng giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

Điều 51. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ.

Điều 52. Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho Ban kiểm soát các vấn đề được Ban kiểm soát yêu cầu.

2. Thư ký Công ty (nếu có) có trách nhiệm sao gửi các quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban kiểm soát để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 53. Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm mời đại diện Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
2. Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

MỤC 2: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 54. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ của Công ty.

Điều 55. Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Tổng giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 56. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Công ty, là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
2. Tổng giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.
3. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.
5. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng Quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng giám đốc.

MỤC 3: BAN KIỂM SOÁT

Điều 57. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với sự phát triển của Công ty.
2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, góp phần làm Công ty phát triển bền vững, thúc đẩy sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông và tạo sự cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty.
3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế.
5. Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Công ty và các cổ đông.
6. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích.
7. Mẫn cán và trung thực.
8. Mềm dẻo nhưng hiệu quả.

Điều 58. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Đề xuất biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.
3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
4. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của Người điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người điều hành với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích nhằm phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn ngừa những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty;
5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, tham vấn Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;
6. Ban Kiểm soát được nhân danh Công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;
7. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài

liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty/đơn vị theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

8. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về cung cấp việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

CHƯƠNG X.

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 59. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý (do Tổng giám đốc ký quyết định bổ nhiệm) trên cơ sở căn cứ vào các quy định của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị/toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các mức sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Hoàn thành nhiệm vụ;
- Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 60. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Điều 45.

2. Chế độ khen thưởng: - Bằng tiền. - Bằng cổ phiếu hoặc hình thức khác (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt. Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 61. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với

sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI.

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 62. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm Thư ký Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 63. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật.
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 64. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XII.

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 66. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và

cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế công bố thông tin của Công ty. Ngoài ra Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 67. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;
- Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
- Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
- Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc điều hành và thành viên Ban kiểm soát;
- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty;
- Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Đồng thời, có nghĩa vụ phải đăng tải các báo cáo tình hình quản trị công ty này trên website của Công ty.

Điều 68. Tổ chức công bố thông tin

Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

- Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
- Đồng thời đề cử ít nhất một cán bộ chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin. Cán bộ chuyên chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin có thể là Thư ký Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.

Cán bộ chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin phải là người:

- Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học;
- Công khai tên, số điện thoại làm việc, email để Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền khác và các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
- Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;
- Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền khác và công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

CHƯƠNG XIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 69. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 70. Giám sát

Các đơn vị, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Xử lý vi phạm

Trường hợp các đơn vị, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 72. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Công ty có thể trình Hội đồng Quản trị họp xem xét, quyết định.
3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**CHƯƠNG XV.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 73. Điều khoản thi hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Trưởng các ban, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty, các cổ đông và cán bộ, công nhân viên của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

Điều 74. Hiệu lực

Quy chế này bao gồm mười lăm (15) chương, bảy mươi tư (74) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VÕ PHÍ NHẬT HUY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIG INVEST GROUP**

(Ban hành kèm theo Nghị quyếtsố ngày 30 tháng 06 năm 2023)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Hội đồng quản trị và cơ cấu Hội đồng quản trị	2
Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị	4
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 5. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 9. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ...	8
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	9
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	11
Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	13
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị	13
Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	15
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	16

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm	16
Điều 20. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan	17
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành	18
Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán.....	18
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	19
Điều 25. Hiệu lực thi hành	19

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Big Invest Group
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Big Invest Group

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Big Invest Group bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Big Invest Group quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Big Invest Group.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm

trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 03 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ của công ty. Cụ thể như sau:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại không quá năm (05) công ty khác;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) rường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của

Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
4. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và

vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - h. Các thông tin khác (nếu có).
2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
 3. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty

quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
4. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập

và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 ng

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là (03 ngày) làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;

- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
2. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây để trình bày tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính kiểm toán;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được

thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Bản Quy chế này gồm 7 chương 23 điều được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Big Invest Group và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2023.
2. Bản Quy chế này được lập thành hai bản có giá trị như nhau và lưu tại trụ sở chính của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


VÕ PHU NHẬT HUY



PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

(Đính kèm Tờ trình số .../TTr-ĐHĐCĐ, ngày tháng năm 2023)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi” là nội dung **in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
CĂN CỨ	CĂN CỨ	
	<i>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.</i> <i>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.</i>	Bổ sung căn cứ xây dựng Quy chế nội về quản trị công ty

	<p><i>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.</i></p> <p><i>Căn cứ Điều lệ Tổ chức Công ty Cổ phần Big Invest Group</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-DHĐCĐ ngày tháng năm 2023;</i></p>	
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1 Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.	Điều 1 Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.	
<p>a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>c. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;</p> <p>d. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);</p> <p>e. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty (nếu có);</p> <p>f. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;</p>	<p>a. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người quản lý doanh nghiệp.</p> <p>b. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>d. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;</p> <p>e. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);</p>	Bổ sung theo hướng dẫn tại theo khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC Cập nhật số thứ tự

<p>g. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty;</p> <p>h. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc; cô</p> <p>i. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những Người điều hành khác;</p> <p>l. Quy định báo cáo và công bố thông tin.</p>	<p>f. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty (nếu có);</p> <p>g. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;</p> <p>h. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty;</p> <p>i. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc; cô</p> <p>k. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những Người điều hành khác;</p> <p>l. Quy định báo cáo và công bố thông tin.</p>	
<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p>	<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p>	
<p>1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:</p> <p>...</p> <p>b. “Công ty”: là công ty cổ phần Big Invest Group;</p> <p>c. “Điều lệ”: là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;</p> <p>d. “Cổ đông”: là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty;</p> <p>e. “Đại hội đồng Cổ đông”: là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết;</p> <p>f. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và <u>Khoản 34</u> Luật Chứng khoán;</p> <p>g. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và</p>	<p>1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:</p> <p>...</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>d. “Công ty”: là công ty cổ phần Big Invest Group;</p> <p>e. “Điều lệ”: là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;</p> <p>f. “Cổ đông”: là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty;</p> <p>g. “Đại hội đồng Cổ đông”: là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết;</p>	<p>- Bổ sung giải thích từ ngữ dẫn chiếu tới quy định hiện hành.</p> <p>- Cập nhật STT</p> <p>- Bổ sung dẫn chiếu người có liên quan theo luật Doanh nghiệp</p> <p>- Sửa đổi dẫn chiếu người có liên quan theo Luật Chứng khoán</p> <p>- Bổ định nghĩa về “Thành viên độc lập HĐQT” do cơ cấu tổ chức không còn thành viên độc lập HĐQT</p>

những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm; <u>h. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”: là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán hiện hành;</u> <u>i.</u> "Người điều hành": là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	<u>h.</u> “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 , Luật Chứng khoán; <u>i.</u> “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm; <u>j.</u> "Người điều hành": là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	
Không có	CHƯƠNG II. VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Bổ sung theo hướng dẫn tại theo khoản 1 Điều 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ công ty. 3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.	Bổ sung theo hướng dẫn tại theo khoản 1 Điều 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung theo hướng dẫn tại theo khoản 1 Điều 2

	<p>Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p>	Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Cập nhật STT
Không có	<p>Điều 5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Bổ sung theo điểm a, Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Và phù hợp với Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>
Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp	Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp	Cập nhật STT

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp
Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung mục
1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước , Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư hoặc thời điểm thông báo được gửi tới email, tin nhắn số điện thoại, địa chỉ fax của cổ đông). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung phương tiện CBTT theo khoản 4, Điều 7 Thông tư 96/2020/TT-BTC - Sửa thời hạn thành 21 ngày theo qui định tại Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp - Bổ sung hình thức gửi thông báo mời họp
Không có	2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới Cổ đông bằng một trong các hình thức sau: <ul style="list-style-type: none"> - Gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ liên lạc của cổ đông; 	Bổ sung hình thức gửi thông báo mời họp

	- Gửi tới địa chỉ liên lạc của Cổ đông là thư điện tử (email), hoặc qua tin nhắn số điện thoại, hoặc số fax được lưu trữ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trường hợp Công ty gửi Thông báo mời họp đến cổ đông bằng cách gửi thư điện tử (email) thì địa chỉ thư điện tử của cổ đông nhận thông báo là địa chỉ thư điện tử được lưu trữ và cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, hoặc địa chỉ thư điện tử do Cổ đông đăng ký với Công ty.	
2. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.	3. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.	Cập nhật STT
Không có	Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp. 2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.	Bổ sung theo điểm đ, Khoản 2, Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật STT
Không có	3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo quy định tại khoản 1, Điều 20 Điều lệ Công ty. 4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có	Bổ sung theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp

	trách nhiệm dừng đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	
Không có	Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.	Bổ sung theo điểm h, Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; b. Định hướng phát triển công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; f. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm; g. Tổ chức lại, giải thể công ty.	Bổ sung theo điểm i Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết	Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết	Cập nhật STT
1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết , trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và	1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ/phiếu biểu quyết , trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông,	Bổ sung hình thức biểu quyết

tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.	họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.	
2. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</u>	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.	Bổ sung nội dung hình thức biểu quyết tại Đại hội
3. Theo quyết định của ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện của cổ đông dự họp, Chủ tọa phải mời tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề nhạy cảm. Trong trường hợp này, việc kiểm phiếu phải có chứng kiến của ít nhất hai (02) cổ đông trong số những người yêu cầu phải có tổ chức trung lập kiểm phiếu	3. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Theo quyết định của ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện của cổ đông dự họp, Chủ tọa phải mời tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề nhạy cảm. Trong trường hợp này, việc kiểm phiếu phải có chứng kiến của ít nhất hai (02) cổ đông trong số những người yêu cầu phải có tổ chức trung lập kiểm phiếu	Bổ sung nội dung lựa chọn ban kiểm phiếu
Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.	6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.	Cập nhật STT

Không có	7. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.	Bổ sung theo khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp
Không có	8. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp để Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Bổ sung theo khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp
Không có	Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty	Bổ sung theo khoản m, Điểm 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>Điều 8. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>Điều 14. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u>	Cập nhật STT
1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng <u>mười ngày (10)</u> ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty	1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng <u>chín mươi ngày (90)</u> ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty	Sửa đổi theo Điều 24 Điều lệ Công ty
<u>Điều 9. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>Điều 15. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông</u>	Cập nhật STT
<u>Điều 10. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng</u>	<u>Điều 16. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng</u>	Cập nhật STT
<u>1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</u>	<u>Bỏ</u>	Bỏ quy định này vì không áp dụng đối với Công ty đại chúng
<u>2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông ra công chúng, tuân thủ theo các quy</u>	<u>2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông ra công chúng, tuân thủ theo các quy</u>	Cập nhật STT

định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Điều 17. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Cập nhật STT
Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến.	Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến.	Cập nhật STT
<p>3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</p> <p>....</p> <p>c. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến) theo quy định tại Điều 6 quy chế này.</p>	<p>3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</p> <p>....</p> <p>c. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến) theo quy định tại Điều 9 quy chế này.</p>	Cập nhật Cập nhật STT dẫn chiếu
9.Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Việc công bố nghị quyết ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này	9.Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Việc công bố nghị quyết ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy chế này	Cập nhật Cập nhật STT dẫn chiếu
CHƯƠNG III. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG IV. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Cập nhật STT
Không có	Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền	Bổ sung theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty.</p> <p>b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.</p> <p>c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty.</p> <p>d. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.</p> <p>e. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.</p> <p>f. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty.</p> <p>g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty</p> <p>h. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới ba mươi lăm</p>	
--	---	--

	<p>phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp .</p> <p>i. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>j. Chấp thuận hợp đồng mua, bán vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>b. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;</p> <p>d. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p>	
--	---	--

	<p>e. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.</p> <p>f. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;</p> <p>g. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty</p> <p>Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Điều lệ Công ty.</p>	
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	Điều 20. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Không có	1. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị;	Bổ sung theo điểm a,b Điều 3 Phụ lục II ban

	<p>a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty là ba (03) người;</p> <p>b. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p> <p>c. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo tuân thủ các quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.</p>	hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty thì thành viên Hội đồng quản trị Công ty cần có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:	2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty thì thành viên Hội đồng quản trị Công ty cần có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:	Cập nhật STT
Không có	3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty	Bổ sung theo điểm đ, Khoản 2, Điều 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>Điều 14.</u> Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	<u>Điều 21.</u> Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật Cập nhật STT
1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị .	1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc hợp thành nhóm của các cổ đông phải được thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.	Bỏ và bổ sung theo qui định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần</u> có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ <u>mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%)</u> được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần</u> có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; <u>từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%)</u> được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Sửa đổi để phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ
<u>Điều 15.</u> Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	<u>Điều 22.</u> Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<u>Điều 16.</u> Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị	<u>Điều 23.</u> Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<u>Điều 17.</u> Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	<u>Điều 24.</u> Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<u>Điều 18.</u> Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	<u>Điều 25.</u> Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Không có	<u>Điều 26. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u> <u>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty..</u>	Bổ sung theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
<u>CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	<u>CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	Cập nhật STT
Không có	<u>1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.</u>	Bổ sung theo hướng dẫn tại điểm b khoản 4 Điều 3 Phụ lục II ban hành

	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty.	kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị	Điều 28. Thông báo họp Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	Sửa đổi theo khoản 6 Điều 30 Điều lệ công ty
Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	Điều 29. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: - Ban kiểm soát; - Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; - <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u> - Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: - Ban kiểm soát; - Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; - Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;	Bổ do cơ cấu HĐQT không có thành viên HĐQT độc lập
Điều 21. Cách thức biểu quyết	Điều 30. Cách thức biểu quyết	Cập nhật STT
2. Trừ quy định tại điểm 1 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại điểm 5, Điều 19 Quy chế này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;	2. Trừ quy định tại điểm 1 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại điểm 5, Điều 29 Quy chế này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;	Cập nhật dẫn chiếu

Điều 22. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị	Điều 31. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều 32. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.	Cập nhật STT
Điều 24. Thông báo Quyết định Hội đồng quản trị	Điều 33. Thông báo Quyết định Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
CHƯƠNG V. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	CHƯƠNG VI. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	
Không có	Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát - Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty: - Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty.	Bổ sung theo khoản 1 Điều 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	Điều 35. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) người. 2. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ	Bổ sung theo hướng dẫn điểm a Khoản 2 Điều 4 phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	Điều 36. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	Cập nhật STT
Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	Điều 37. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	Cập nhật STT
Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự đối với ứng cử đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 13 Quy chế này. Tỷ lệ đề cử ứng viên Ban kiểm soát như sau	Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự đối với ứng cử đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 21 Quy chế này. Tỷ lệ đề cử ứng viên Ban kiểm soát như sau	Cập nhật STT dẫn chiếu
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng</u> có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%)</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; <u>từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%)</u> được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;	- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%)</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; <u>từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%)</u> được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;	Sửa đổi để phù hợp theo khoản 1, Điều 36 Điều lệ Công ty
Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên	Điều 38. Cách thức bầu Kiểm soát viên	Cập nhật STT
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Cập nhật STT
1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:	Bỏ	Chuyển xuống trường hợp bãi nhiệm

<p><u>- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p>		
<p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 	<p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 	Bổ sung trường hợp bãi nhiệm
<p><u>Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</u></p>	<p><u>Điều 40. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</u></p>	Cập nhật STT
<p>Không có</p>	<p><u>Điều 41. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát</u> <u>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.</u></p>	Bổ sung theo điểm g, khoản 2 Điều 4 phụ lục II I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<p><u>CHƯƠNG VI. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u></p>	<p><u>CHƯƠNG VII. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u></p>	Cập nhật STT
<p><u>Điều 30. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</u></p>	<p><u>Điều 42. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</u></p>	Cập nhật STT
<p>2. Số lượng và cơ cấu thành viên của các tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị</u>/ thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>2. Số lượng và cơ cấu thành viên của các tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và</p>	Bỏ do cơ cấu HĐQT không có thành viên HĐQT độc lập

không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.	một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.	
<u>CHƯƠNG VII. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY</u>	<u>CHƯƠNG VIII. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY</u>	Cập nhật STT
Không có	<p>Điều 43. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và các người điều hành khác</p> <p>1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty</p> <p>3. Tổng giám đốc và các người điều hành khác phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc và các người điều hành khác phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</p>	Bổ sung theo tham chiếu khoản 1, Điều 5 phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>Điều 31. Tiêu chuẩn Người điều hành Công ty</u>	<u>Điều 44. Tiêu chuẩn Người điều hành Công ty</u>	Cập nhật STT
Không có	<p>1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc và các người điều hành khác không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p>	Bổ sung theo điểm a, Khoản 2, Điều 5 Phụ lục II I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC Tham chiếu Điều 162 Luật Doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	2. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	Cập nhật STT
2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc:	3. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc:	Cập nhật STT
3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.	4. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.	Cập nhật STT
4. Người điều hành khác: Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.	5. Người điều hành khác: Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.	Cập nhật STT
Điều 32. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành của Công ty	Điều 45. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành của Công ty	Cập nhật STT
Điều 33. Ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành	Điều 46. Ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành	Cập nhật STT
Sau khi có quyết định bổ nhiệm Người quản lý Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với Người điều hành. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty	1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm Người quản lý Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với Người điều hành. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty	Bổ sung STT
	2. Tổng giám đốc và các người điều hành khác được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc và các người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc và các người điều hành khác và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Bổ sung theo Điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp

<u>Điều 34.</u> Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành	<u>Điều 47.</u> Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành	Cập nhật STT
<u>Điều 35.</u> Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành	<u>Điều 48.</u> Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành	Cập nhật STT
<u>CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</u>	<u>CHƯƠNG IX. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</u>	Cập nhật STT
<u>Điều 36.</u> Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị	<u>Điều 49.</u> Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<u>Điều 37.</u> Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	<u>Điều 50.</u> Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<u>Điều 38.</u> Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	<u>Điều 51.</u> Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Cập nhật STT
<u>Điều 39.</u> Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát	<u>Điều 52.</u> Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát	Cập nhật STT
<u>Điều 40.</u> Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị	<u>Điều 53.</u> Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<u>Điều 41.</u> Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	<u>Điều 54.</u> Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Cập nhật STT
<u>Điều 42.</u> Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị	<u>Điều 55.</u> Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị	Cập nhật STT
<u>Điều 43.</u> Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc	<u>Điều 56.</u> Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc	Cập nhật STT
<u>Điều 44.</u> Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	<u>Điều 57.</u> Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	Cập nhật STT
<u>Điều 45.</u> Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	<u>Điều 58.</u> Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	Cập nhật STT
<u>CHƯƠNG IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</u>	<u>CHƯƠNG X. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</u>	Cập nhật STT
<u>Điều 46.</u> Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc	<u>Điều 46.</u> Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc	Cập nhật STT

Điều 47. Khen thưởng	Điều 60. Khen thưởng	Cập nhật STT
Điều 48. Xử lý vi phạm và kỷ luật	Điều 61. Xử lý vi phạm và kỷ luật	Cập nhật STT
CHƯƠNG X. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	CHƯƠNG XI. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	Cập nhật STT
Điều 49. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 62. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	Cập nhật STT
Điều 50. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 63. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty	Cập nhật STT
Điều 51. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 64. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	Cập nhật STT
Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	Cập nhật STT
CHƯƠNG XI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	CHƯƠNG XII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Cập nhật STT
Điều 53. Nghĩa vụ công bố thông tin	Điều 66. Nghĩa vụ công bố thông tin	Cập nhật STT
Điều 54. Công bố thông tin về quản trị Công ty	Điều 67. Công bố thông tin về quản trị Công ty	Cập nhật STT
<p>1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành; - Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị; - Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty; 	<p>1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành; - Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị; - Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty; 	Bỏ do cơ cấu HĐQT không có thành viên HĐQT độc lập

<ul style="list-style-type: none"> - Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc điều hành và thành viên Ban kiểm soát; - Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên; - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty; - Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc điều hành và thành viên Ban kiểm soát; - Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên; - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty; - Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp. 	
Điều 55. Tổ chức công bố thông tin	Điều 68. Tổ chức công bố thông tin	Cập nhật STT
CHƯƠNG XII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	CHƯƠNG XIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	Cập nhật STT
Điều 56. Báo cáo	Điều 69. Báo cáo	Cập nhật STT
Điều 57. Giám sát	Điều 70. Giám sát	Cập nhật STT
Điều 58. Xử lý vi phạm	Điều 71. Xử lý vi phạm	Cập nhật STT
CHƯƠNG XIII. SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ	CHƯƠNG XIV. SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ	Cập nhật STT
Điều 59. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty	Điều 72. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty	Cập nhật STT
CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	CHƯƠNG XV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Cập nhật STT
Điều 60. Điều khoản thi hành	Điều 73. Điều khoản thi hành	Cập nhật STT
Điều 61. Hiệu lực	Điều 74. Hiệu lực	Cập nhật STT
Quy chế này bao gồm <u>mười hai (14) chương, sáu mươi (60) điều</u> và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.	Quy chế này bao gồm <u>mười lăm (15) chương, bảy mươi bốn (74) điều</u> và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.	Cập nhật số chương và điều



PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Đính kèm Tờ trình số .../TTr-DHĐCĐ, ngày tháng năm 2023)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là nội dung **in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/BIG/NQ-DHĐCĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021, Sửa đổi bổ sung lần 1 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 1604/2022/BIG/NQ-DHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2022.	Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số /2023/BIG/NQ-DHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cập nhật thời gian sửa đổi Điều lệ
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	Cập nhật số thứ tự
Điều 1: Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	Các thuật ngữ được bổ sung theo Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán

Không có	p) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.																						
Không có	q) “Tổ chức kiểm toán được chấp thuận” là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về kiểm toán độc lập.	Bổ sung theo Khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán																					
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty																						
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại <u>khoản 2 Điều 59</u> hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại <u>Điều 60</u> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.	Cập nhật lại																					
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty																						
6820. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty <table><tr><th>STT</th><th>Hoạt động kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>1</td><td>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Loại trừ định giá, đấu giá bất động sản</td><td>6820 (Chính)</td></tr><tr><td>2</td><td>Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Trừ hoạt động đưa lao động ra nước ngoài</td><td>7830</td></tr></table>	STT	Hoạt động kinh doanh	Mã ngành	1	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Loại trừ định giá, đấu giá bất động sản	6820 (Chính)	2	Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Trừ hoạt động đưa lao động ra nước ngoài	7830	1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty <table><tr><th>STT</th><th>Tên ngành nghề</th></tr><tr><td>1.</td><td>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí</td></tr><tr><td>2.</td><td>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</td></tr><tr><td>3.</td><td>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</td></tr><tr><td>4.</td><td>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</td></tr><tr><td colspan="2">Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa</td></tr></table>	STT	Tên ngành nghề	1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa		Điều chỉnh ngành, nghề kinh doan theo tờ trình số Thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
STT	Hoạt động kinh doanh	Mã ngành																					
1	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Loại trừ định giá, đấu giá bất động sản	6820 (Chính)																					
2	Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Trừ hoạt động đưa lao động ra nước ngoài	7830																					
STT	Tên ngành nghề																						
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí																						
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác																						
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác																						
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa																						
Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa																							

3	Quảng cáo. Chi tiết: Trừ quảng cáo thuốc lá	7310	5. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	
	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa		6. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	
4	Chi tiết: Trừ đấu giá và không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền phân phối	4610	7. Bán buôn thực phẩm	
			Chi tiết: Bán buôn cà phê	
5	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Trừ hoạt động nổ mìn	4312	8. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	
	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814	Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	
6			9. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	
7	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	
	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4299	10. Hoạt động của trụ sở văn phòng	
8			11. Hoạt động tư vấn quản lý	
	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;		12. Bán buôn tổng hợp	
9	Khảo sát, thiết kế công trình giao thông; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật. Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp, công trình	7110	13. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	
			14. Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	

<p>đường bộ, thủy lợi. Thẩm tra thiết kế và dự toán. Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án, lập và đánh giá hồ sơ mời thầu các công trình xây dựng</p> <p>10 Xây dựng nhà không để ở 4102</p> <p>11 Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại 8230</p> <p>12 Giáo dục khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Huấn luyện và đào tạo kinh doanh 8559</p> <p>13 Xây dựng công trình cấp, thoát nước 4222</p> <p>14 Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: (trừ máy bay, khinh khí cầu) 7730</p> <p>15 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê 6810</p> <p>Chi tiết: Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng</p> <p>16 Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác 4659</p>	<p>15. Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>16. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>17. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>18. Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>19. Sản xuất cà phê</p> <p>Chi tiết: - Rang và lọc chất caphêin cà phê;</p> <p>- Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hoà tan, cà phê pha phin, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc;</p> <p>- Sản xuất các chất thay thế cà phê;</p> <p>20. Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính</p> <p>21. Đại lý du lịch</p> <p>22. Điều hành tua du lịch</p> <p>23. Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch</p> <p>Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế</p>	
---	---	--

17	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	24. Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	
18	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931	25. Xây dựng nhà ở	
19	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	26. Xây dựng công trình điện	
20	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	27. Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	
21	Lắp đặt hệ thống điện	4321	28. Phá dỡ	
22	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520	29. Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	
23	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653	30. Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	
24	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663	31. Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	
25	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510	32. Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	
26	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: trừ bán buôn kim loại quý và đá quý	4662	33. Cơ sở lưu trú khác	
27	Bán buôn đồ uống	4633	34. Sản xuất điện.	
28	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610		

29	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311	Chi tiết: Trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân;	
30	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	35. Truyền tải và phân phối điện.	
31	Sửa chữa thiết bị khác	3319	Chi tiết: Trừ phân phối, điều độ hệ thống điện quốc gia.	
32	Lập trình máy tính Chi tiết: Cung cấp thiết kế vi mạch;	6201	36. Trồng cây ăn quả;	
33	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202	37. Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm;	
	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính		38. Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm;	
34	Chi tiết: Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng; dịch vụ thực hiện phần mềm, dịch vụ xử lý dữ liệu; Dịch vụ cơ sở dữ liệu; Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng bao gồm cả máy tính, các dịch vụ máy tính khác	6209	39. Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;	
35	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu;	6311	40. Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;	
	Xuất bản phần mềm		41. Chăn nuôi gia cầm;	
36	Chi tiết: Sản xuất phần mềm;	5820	42. Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;	
			43. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;	
			44. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	
			45. Xây dựng công trình đường sắt;	
			46. Xây dựng công trình đường bộ;	

	<p>47. Phá dỡ;</p> <p>48. Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.</p> <p>49. Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng</p> <p>50. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</p> <p>51. Dịch vụ phục vụ đồ uống</p> <p>52. Chế biến và bảo quản rau quả</p> <p>53. Bán buôn thực phẩm</p> <p>54. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.</p> <p>55. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất viên đốt nén bằng phế phẩm mùn cưa, dăm bào, củi.</p> <p>56. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác</p>	
--	--	--

	<p>57. Sản xuất đồ gỗ xây dựng</p> <p>58. Sản xuất bao bì bằng gỗ</p> <p>59. Sản xuất bột giấy, giấy và bìa</p> <p>60. Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa</p> <p>61. Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu</p> <p>62. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn đá hoa cương và các loại đá xây dựng khác. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p>	
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	
Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia <u>Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</u>	Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Sửa đổi, bổ sung câu từ
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
<u>1. Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)</u>	1. Vốn điều lệ, việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua vào từng thời điểm, được ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng	- Sửa đổi, không nêu rõ số vốn và số cổ phần của công ty, nội dung

<p><u>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</u></p>	<p>ký doanh nghiệp và được công bố theo quy định của pháp luật. Tổng số vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>này sẽ được thể hiện tại phụ lục để thuận tiện cho doanh nghiệp khi thay đổi Vốn điều lệ chỉ cần bổ sung vào phụ lục mà không phải thay đổi điều lệ doanh nghiệp.</p>
<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, <u>[trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác]</u>. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p>	<p>Sửa đổi lại các diễn đạt để phù hợp với thực tế triển khai</p>
<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	
<p>Không có</p>	<p>2. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p>	
<p><u>2.</u> Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p>	<p>3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>4. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>

<p><u>4.</u> Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p><u>5.</u> Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p><u>6.</u> Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p><u>7.</u> Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a) Vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p><u>8.</u> Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><u>5.</u> Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p><u>6.</u> Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p><u>7.</u> Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p><u>8.</u> Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a) Vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p><u>9.</u> Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Trừ trường hợp Điều lệ công ty có</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia</p>	Sửa đổi lại các diễn đạt để phù hợp với thực tế triển khai

quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	
Không có	c) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;	Bổ sung theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp
c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan	d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan	Cập nhật số thứ tư
d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;	đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;	
đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	
a) <u>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</u>	a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;	Sửa theo quy định tại Điều 140 và Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	
Không có	2. Trường hợp cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 14 Luật Doanh nghiệp quy định cho cổ đông công ty là tổ chức
<p><u>2.</u> Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	Cập nhật số thứ tự
Không có	4. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;	Bổ sung theo Khoản 4 điều 14 Luật Doanh nghiệp

	<p>- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;</p> <p>- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền;</p>	
<p><u>3.</u> Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p><u>5.</u> Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	Cập nhật số thứ tự
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	
Không có	b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;	Bổ sung theo Điểm c khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
<p><u>b)</u> Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p><u>c)</u> Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p>	<p>c) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p>	Cập nhật số thứ tự
d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;	d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;	Bổ sung theo điểm đ khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020

<p>đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p>	<p>e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p>	Cập nhật số thứ tự
Không có	<p>g) Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;</p>	Bổ sung trong trường hợp Công ty tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử
<p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>h) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc mà cổ đông đã đăng ký, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.</p> <p>b. Địa chỉ liên lạc của cổ đông là một trong những loại thông tin: địa chỉ đăng ký trụ sở chính (đối với cổ đông là tổ chức); địa chỉ thường trú, địa chỉ nơi làm việc (đối với cổ đông là cá nhân); số điện thoại; thư điện tử (email); hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc.</p> <p>c. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới Cổ đông bằng một trong các hình thức sau:</p> <p>- Gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ liên lạc của cổ đông.</p> <p>- Gửi tới địa chỉ liên lạc của Cổ đông là thư điện tử (email), hoặc qua tin nhắn số điện thoại, hoặc số fax</p>	Cập nhật STT

Bổ sung nội dung làm rõ quy định: thư điện tử (email) là một trong những địa chỉ liên lạc của Cổ đông theo dữ liệu do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cung cấp, hoặc do chính Cổ đông đăng ký cho Công ty, phù hợp với Khoản 13 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020

Bổ sung quy định làm rõ các cách thức gửi thông báo mời họp đến cổ đông

	<p>được lưu trữ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, hoặc địa chỉ do Cổ đông đăng ký với Công ty.</p> <p>d. Trường hợp Công ty gửi Thông báo mời họp đến cổ đông bằng cách gửi thư điện tử (email) thì địa chỉ thư điện tử của cổ đông nhận thông báo là địa chỉ thư điện tử được lưu trữ và cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, hoặc địa chỉ thư điện tử do Cổ đông đăng ký với Công ty. Cổ đông chịu trách nhiệm với thông tin thư điện tử đã cung cấp. Công ty có thể yêu cầu Cổ đông thông báo thông tin thư điện tử bằng văn bản và gửi đến địa chỉ trụ sở chính của Công ty (nếu cần).</p> <p>e. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận toàn bộ tài liệu họp, bao gồm:</p>	
--	--	--

<p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>- Phiếu biểu quyết;</p> <p>- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	Cập nhật số thứ tự
<p><u>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</u></p>	<p>5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p>	Bổ sung theo Khoản 3 điều 142 Luật Doanh nghiệp
<p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	Không đổi
<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Không có</p>	<p>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.</p>	Bổ sung theo khoản 4 Điều 145 Luật Doanh nghiệp
<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:	Không đổi
a) <u>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ cuộc họp;</u>	a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đó.	Bổ sung thêm nội dung về phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) để phù hợp với thực tế phát sinh tại các ĐHĐCĐ Bỏ nội dung thứ tự thu phiếu vì không bắt buộc theo Luật Doanh nghiệp và trên thực tế có thể thu đồng thời và ghi nhận kết quả riêng của các loại thẻ, phiếu. Quy định về cách thức kiểm phiếu được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
Không có	b) Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.	Bổ sung quy định áp dụng trong trường hợp tổ chức họp trực tuyến.
b) <u>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội</u>	c) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền dự họp tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ	Sửa lại từ “đến” thành từ “tham dự” để áp dụng cho cả TH trực tuyến Sửa theo khoản 6 Điều 146 Luật Doanh nghiệp

để cho cổ đông <u>đến</u> muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	đồng tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	và điểm b Khoản 1 Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp <u>đến</u> sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	
<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp <u>tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả <u>cổ đông dự họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở</p>	<p>Sửa đổi khoản 1, 2 theo luật số 03/2022/QH15</p> <p>Bổ sung theo khoản 3, 4 điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.</p> <p>Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.</p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p>	
<p><u>3.</u> Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	Cập nhật STT
<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	

	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện tương tự theo quy định về việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đã quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	Bổ sung theo điều 149 Luật Doanh nghiệp
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	
<p>4. <u>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	Cụ thể thông tin hơn
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
<p>3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết</p>	<p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết</p>	

hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	
1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.	1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.	Cập nhật dẫn chiếu
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty</u> có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Chỉnh sửa câu chữ
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u> Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. <u>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau có tối thiểu 01 thành viên độc lập.</u>	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Bỏ phần thông tin về thành viên HĐQT độc lập do công ty không còn hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 điều 137 Luật Doanh Nghiệp.
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Không đổi

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; <u>quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị</u> , Quy chế về công bố thông tin của công ty;	q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;	Bỏ nội dung về việc Quyết định ban hành quy chế hoạt động của UBKT trực thuộc HĐQT do công ty không hoạt động theo mô hình có UBKT trực thuộc HĐQT
s) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</u>	s) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của BKS.	Chỉnh sửa câu từ
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:	
e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp <u>và</u> .	e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty	Chỉnh sửa câu từ

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	
<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát <u>hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị</u>;</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát</p>	Bỏ do không có thành viên HĐQT độc lập
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	
<p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị</u>/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p>	
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	
<p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>i) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	Chỉnh sửa câu từ phù hợp với quy định tại điểm I khoản 1 điều 162 Luật doanh nghiệp
IX. BAN KIỂM SOÁT	IX. BAN KIỂM SOÁT	

<p><u>[Trường hợp Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, Công ty thành lập Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định tại Điều 36 đến Điều 41 Điều lệ này].</u></p>		
<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	
<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng <u>20%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn <u>20%</u> hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ <u>20%</u> trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của</p>	

thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 3. [Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên].	Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	
Điều 59. Ngày hiệu lực	Điều 59. Ngày hiệu lực	
1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần BIG INVEST GROUP nhất trí thông qua ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Hà Nội, Sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05.02/2023/BIG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 02 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần BIG INVEST GROUP nhất trí thông qua ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Hà Nội, Sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số /2023/BIG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Cập nhật lại
2. Điều lệ được lập thành <u>01</u> bản chính, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	2. Điều lệ được lập thành 02 bản chính, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.	3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.	Không đổi
Chưa có	4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.	Bổ sung

PHỤ LỤC 01

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY

1. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty

STT	Thời gian	Vốn điều lệ	Ghi chú
1	31/12/2020	50.000.000.000	

Số:01/2023/BIG/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG INVEST GROUP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Big Invest Group
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2023 số.....
/2023/BIG/BBH-ĐHĐCĐ ngày/...../2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023.

Điều 4. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 theo tờ trình số 03/2023/BIG/TTr-HĐQT

Điều 5. Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán theo Tờ trình số 06/2023/BIG/TTr-HĐQT

Điều 6. Thông qua Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát năm 2023 theo Tờ trình số 05/2023/BIG/TTr-HĐQT

Điều 7. Thông qua bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo Tờ trình số 02/2023/BIG/TTr-HĐQT

Điều 8. Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số 07/2023/BIG/TTr-HĐQT

Điều 9. Thông qua Việc Ban hành quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị theo tờ trình số 08/2023/BIG/TTr-HĐQT

Điều 10. Thông qua Việc Ban hành quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát theo tờ trình số 01/2023/BIG/TTr-BKS

Điều 11. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và tỷ lệ cổ tức năm 2022 theo tờ trình số 04/2023/BIG/TTr-HĐQT

Điều 12. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2024 với Bà Đồng Thị Hồng Nhung và bầu bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2023- 2024 theo tờ trình số 01/2023/BIG/TTr-HĐQT

Điều 13. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2023 theo Tờ trình số 10/2023/TTr-HĐQT

Điều 14. Thông qua giao dịch với bên có liên quan theo tờ trình số 09/2023/TTr-HĐQT

Điều 15. Thông qua bầu bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2024 của Công ty là ông/ bà:

STT	Họ và tên
1	

Điều 16. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong Công ty có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu VP

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

VÕ PHI NHẬT HUY

Ảnh 4 x 6
(ảnh mẫu
mới nhất)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm Kiểm soát viên)

- Họ và tên: TRỊNH THỊ THANH PHƯƠNG .Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/01/1989 Nơi sinh: Gia Lai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 064189006168 Cấp ngày 10/08/2021 Tại CCSQLHCVTTXH
- Địa chỉ thường trú: Thôn 1, Đăng Hà, Bù Đăng, Bình Phước
- Số điện thoại liên lạc: 0934701838 Email: ketoan01.big@gmail.com
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cao đẳng kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã làm qua (làm gì, ở đâu)	Ghi chú
11/2019 đến 12/2022	Công ty TNHH Dịch Vụ Kế Toán Song Kim Nhân viên kế toán tổng hợp Địa chỉ: 2/1/9 Đường 84 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TP.HCM	

10. Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần Big Invest Group(nếu có) : Kế toán

11. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên Công ty	Địa chỉ	Giấy CNĐKKD	Ngày/ nơi cấp	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp

12. Số CP nắm giữ (tính đến ngày ĐKCC) tại Công ty Cổ phần Big Invest Group:

.....cổ phần, chiếm % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:.....

+ Cá nhân sở hữu:.....

13. Các cam kết nắm giữ (nếu có):.....

14. Danh sách người có liên quan của người khai* :

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có)	Mối quan hệ với người khai
1	Hà Thanh Duân			Chồng
2	Nguyễn Thị Thanh Sen			Mẹ
3	Trịnh Thị Thanh Xuân			Chị

15. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Big Invest Group (nếu có):

16. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần Big Invest Group (nếu có):

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần Big Invest Group (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA
PHƯƠNG HOẶC NƠI CÔNG TÁC (NẾU
CẦN)**

NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ tên)



Trịnh Thị Thanh Xuân

*Người có liên quan theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019.